BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA ĐỀ CƯƠNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BÁO CHÍ

STT	Thủ tục hành chính	Tổng chi phí thực hiện		Chi phí tuân thủ tiết kiệm được sau khi đơn giản hoá TTHC	Chú thích
		Hiện hành	Dự thảo Luật		
1	Thủ tục hành chính 1	0	3,246,568	-3,246,568	TTHC mới
2	Thủ tục hành chính 2	0	55,733,830	-55,733,830	TTHC mới
3	Thủ tục hành chính 3	0	49,888,239	-49,888,239	TTHC mới
4	Thủ tục hành chính 4	182,388,636	3,865,570,455	-3,683,181,818	TTHC sửa đổi, bổ sung
	Tổng chi phí tuân thủ 4 TTHC			***-3,792,050,455***	

PHỤ LỤC 1: DỮ LIỆU SỬ DỤNG CHO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG DỰ ÁN LUẬT BÁO CHÍ (SỬA ĐỔI)

STT	Mô tả	Đơn vị	Dữ liệu	Nguồn dữ liệu	Chú thích
1	Chi phí một giờ của cán bộ doanh nghiệp	VNĐ	46,023	Tổng cục Thống kê, Thông cáo báo chí tình hình lao động và việc làm quý IV và năm 2022	Nguồn: https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2023/01/2.-Thong-cao_Q4.2022_final-1.pdf
2	Cước chuyển phát nhanh (ít tài liệu)	VNĐ	14,500	Báo giá EMS: phí EMS https://ems.com.vn/tin-tuc/tin-noi-bo/ems-viet-nam-binh-on-cuoc-phi-van-chuyen-dam-bao-quyen-loi-cho-khach-hang	
3	Cước chuyển phát nhanh (nhiều tài liệu)	VNĐ	24,500	Báo giá EMS: phí EMS https://ems.com.vn/tin-tuc/tin-noi-bo/ems-viet-nam-binh-on-cuoc-phi-van-chuyen-dam-bao-quyen-loi-cho-khach-hang	
4	Số ngày dự kiến tổ chức lớp học cho nhà báo	Ngày	7	Theo dữ liệu và giả định của Cục Báo chí, Bộ TTTT	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

CỤC BÁO CHÍ

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA ĐỀ CƯƠNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BÁO CHÍ
TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 01: Cấp phép đối với hoạt động nhập khẩu báo in, tạp chí in

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC MỚI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Điền Đơn xin cấp phép đối với hoạt động nhập khẩu báo in, tạp chí in	Chuẩn bị và in ấn	2.0	46,023		2,000	1	1	94,045	94,045	Phí sao chụp: 01 bộ, mỗi bộ ước tính 2 trang
1.2	Xây dựng Quy chế làm việc bộ phận/hội đồng thẩm định nội dung báo in, tạp chí in	Chuẩn bị và in ấn	60.0	46,023		10,000	1	1	2,771,364	2,771,364	Phí sao chụp: 01 bộ, mỗi bộ ước tính 10 trang

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.3	Chuẩn bị bản sao có công chứng thể hiện đáp ứng các điều kiện về trình độ ngoại ngữ và chuyên môn phù hợp của thành viên bộ phận/hội đồng thẩm định nội dung báo in, tạp chí in	Đi công chứng	5.0	46,023		10,000	1	1	240,114	240,114	Phí công chứng bằng cấp của 5 chuyên gia, 01 bộ, mỗi bộ ước tính 2 trang

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.4	Chuẩn bị bản sao có công chứng thể hiện trình độ chuyên môn phù hợp của người đứng đầu cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu báo in, tạp chí in	Chuẩn bị và đi công chứng	1.0	46,023		10,000	1	1	56,023	56,023	Phí công chứng bằng cấp của 01 người đứng đầu, 01 bộ, mỗi bộ ước tính 2 trang
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp									
		Bưu điện	1.0	46,023		24,500	1	1	70,523	70,523	Cước phí chuyển phát
		Internet									
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)										
5	**Công việc khác** (nếu có)										
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp									
		Bưu điện	0.5	46,023		14,500	1	1	14,500	14,500	Cước phí chuyển phát

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
		Internet									
		Khác									
	TỔNG					**71,000**			**3,246,568**	**3,246,568**	

CỤC BÁO CHÍ

Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA ĐỀ CƯƠNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BÁO CHÍ

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 02: Chuyển đổi hoạt động sang mô hình tập đoàn báo chí

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC MỚI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Điền văn bản đề nghị chuyển đổi mô hình tập đoàn báo chí	Chuẩn bị và in ấn	2.0	46,023		1,000	1	3	93,045	279,136	
1.2	Xây dựng Đề án xin chuyển đổi mô hình hoạt động tập đoàn báo chí	Chuẩn bị và in ấn	360.0	46,023		1,800,000	1	3	18,368,182	55,104,545	Phí sao chụp: 30 bộ, mỗi bộ ước tính 60 trang
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp	2.0	46,023			1	1	92,045	92,045	
		Bưu điện	1.0	46,023		25,500	1	1	71,523	71,523	Cước phí chuyển phát
		Internet	0.5	46,023			1	1	23,011	23,011	
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)										
5	**Công việc khác** (nếu có)										
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp	2.0	46,023			1	1	92,045	92,045	
		Bưu điện	0.5	46,023		25,500	1	1	48,511	48,511	Cước phí chuyển phát
		Internet	0.5	46,023			1	1	23,011	23,011	
		Khác									
	TỔNG				**0**	**1,852,000**			**18,811,375**	**55,733,830**	

CỤC BÁO CHÍ

Biểu mẫu 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA ĐỀ CƯƠNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BÁO CHÍ

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 03: Thành lập tập đoàn báo chí

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC MỚI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Điền văn bản đề nghị thành lập tập đoàn báo chí	Chuẩn bị và in ấn	2.0	46,023		1,000	1	4	93,045	372,182	
1.2	Xây dựng Đề án thành lập tập đoàn báo chí	Chuẩn bị và in ấn	240.0	46,023		1,200,000	1	4	12,245,455	48,981,818	Phí sao chụp: 30 bộ, mỗi bộ ước tính 40 trang
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp	2.0	46,023			1	2	92,045	184,091	
		Bưu điện	1.0	46,023		25,500	1	1	71,523	71,523	Cước phí chuyển phát
		Internet	0.5	46,023			1	1	23,011	23,011	
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)										
5	**Công việc khác** (nếu có)										
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp	2.0	46,023			1	2	92,045	184,091	
		Bưu điện	0.5	46,023		25,500	1	1	48,511	48,511	Cước phí chuyển phát
		Internet	0.5	46,023			1	1	23,011	23,011	
		Khác									
	TỔNG				**0**	**1,252,000**			**12,688,648**	**49,888,239**	

BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

CỤC BÁO CHÍ

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA ĐỀ CƯƠNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BÁO CHÍ

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 04: Cấp thẻ nhà báo

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Bản khai đăng ký cấp thẻ nhà báo	Chuẩn bị và in ấn hoặc gửi file	1.0	46,023			1	600	46,023	27,613,636	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.2	Bản sao điện tử hoặc bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên hoặc Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên đối với trường hợp là người dân tộc thiểu số quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Báo chí	Chuẩn bị và photo hoặc gửi file	1.0	46,023			1	600	46,023	27,613,636	
1.3	Bản sao điện tử hoặc bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	Chuẩn bị và photo hoặc gửi file	1.0	46,023			1	600	46,023	27,613,636	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.4	Bản sao điện tử hoặc bản sao văn bản có liên quan (tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thể hiện thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại cơ quan đề nghị cấp thẻ nhà báo hoặc thể hiện việc thanh toán, chi trả tiền lương/tiền công/tiền thù lao/tiền nhuận bút theo tháng) để chứng minh thời gian công tác liên tục hai (02) năm trở lên tại cơ quan báo chí đề nghị cấp thẻ nhà báo hoặc tại đài truyền thanh, truyền hình cấp huyện và tương đương	Chuẩn bị và photo hoặc gửi file	1.0	46,023			1	600	46,023	27,613,636	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.5	Danh sách tác phẩm báo chí đã đăng, phát đối với trường hợp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 26 Luật Báo chí	Chuẩn bị và in ấn hoặc gửi file	2.0	46,023			1	50	92,045	4,602,273	
1.6	Bản tổng hợp danh sách đề nghị cấp thẻ nhà báo	Chuẩn bị và in ấn hoặc gửi file	1.0	46,023			1	400	46,023	18,409,091	
2	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp	2.0	46,023			1	100	92,045	9,204,545	100 đối tượng gửi hồ sơ thông qua bưu điện, 100 nộp trực tiếp, 400 sẽ nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến
		Bưu điện	1.0	46,023		14,500	1	100	60,523	6,052,273	Cước phí chuyển phát
		Internet	0.5	46,023			1	400	23,011	9,204,545	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
3	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										
4	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)										
5	**Công việc khác** (nếu có)										
6	**Nhận kết quả**	Trực tiếp	2.0	46,023			1	100	92,045	9,204,545	
		Bưu điện	1.0	46,023		14,500	1	100	60,523	6,052,273	Cước phí chuyển phát
		Internet	0.5	46,023			1	400	23,011	9,204,545	
		Khác									
	TỔNG					**29,000**			**673,318**	**182,388,636**	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	**Chuẩn bị hồ sơ**										
1.1	Bản khai đăng ký cấp thẻ nhà báo	Chuẩn bị và in ấn hoặc gửi file	1.0	46,023			1	600	46,023	27,613,636	
1.2	Bản sao điện tử hoặc bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên hoặc Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên đối với trường hợp là người dân tộc thiểu số quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật Báo chí	Chuẩn bị và photo hoặc gửi file	1.0	46,023			1	600	46,023	27,613,636	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.3	Bản sao điện tử hoặc bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động	Chuẩn bị và photo hoặc gửi file	2.0	46,023			1	600	92,045	55,227,273	
1.4	Bản sao điện tử hoặc bản sao văn bản có liên quan (tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thể hiện thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại cơ quan đề nghị cấp thẻ nhà báo hoặc thể hiện việc thanh toán, chi trả tiền lương/tiền công/tiền thù lao/tiền nhuận bút theo tháng) để chứng minh thời gian công tác liên tục hai (02) năm trở lên tại cơ quan báo chí đề nghị cấp thẻ nhà báo hoặc tại đài truyền thanh, truyền hình cấp huyện và tương đương	Chuẩn bị và photo hoặc gửi file	1.0	46,023			1	600	46,023	27,613,636	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1.5	Danh sách tác phẩm báo chí đã đăng, phát đối với trường hợp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 26 Luật Báo chí	Chuẩn bị và in ấn hoặc gửi file	1.0	46,023			1	50	46,023	2,301,136	
1.6	Bản tổng hợp danh sách đề nghị cấp thẻ nhà báo	Chuẩn bị và in ấn hoặc gửi file	1.0	46,023			1	400	46,023	18,409,091	
1.6	Giấy chứng nhận tham dự lớp bồi dưỡng cho người làm báo	Chuẩn bị và in ấn hoặc gửi file	0.5	46,023			1	600	23,011	13,806,818	
2	**Chi phí của cơ quan báo chí để cử phóng viên học lớp bồi dưỡng cho người làm báo**										
2.1	Chi phí tham gia khóa học						1	600	3,500,000	2,100,000,000	
2.2	Tổng số tiền lương trả cho một người làm báo trong lúc tham dự khoá bồi dưỡng		56.0	46,023			1	600	2,577,273	1,546,363,636	Khoá học 7 ngày x 8 giờ

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
3	**Nộp hồ sơ**	Trực tiếp	2.0	46,023			1	100	92,045	9,204,545	100 đối tượng gửi hồ sơ thông qua bưu điện, 100 nộp trực tiếp, 400 sẽ nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến
		Bưu điện	1.0	46,023		14,500	1	100	60,523	6,052,273	Cước phí chuyển phát
		Internet	0.5	46,023			1	400	23,011	9,204,545	
4	**Nộp phí, lệ phí, chi phí khác**										
4.1	Phí										
4.2	Lệ phí										
4.3	Chi phí khác										
5	**Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có)										
6	**Công việc khác** (nếu có)										
7	**Nhận kết quả**	Trực tiếp	2.0	46,023			1	100	92,045	9,204,545	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
		Bưu điện	0.5	46,023		14,500	1	100	37,511	3,751,136	Cước phí chuyển phát
		Internet	0.5	46,023			1	400	23,011	9,204,545	
		Khác									
	TỔNG					**29,000**			**6,750,591**	**3,865,570,455**	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung

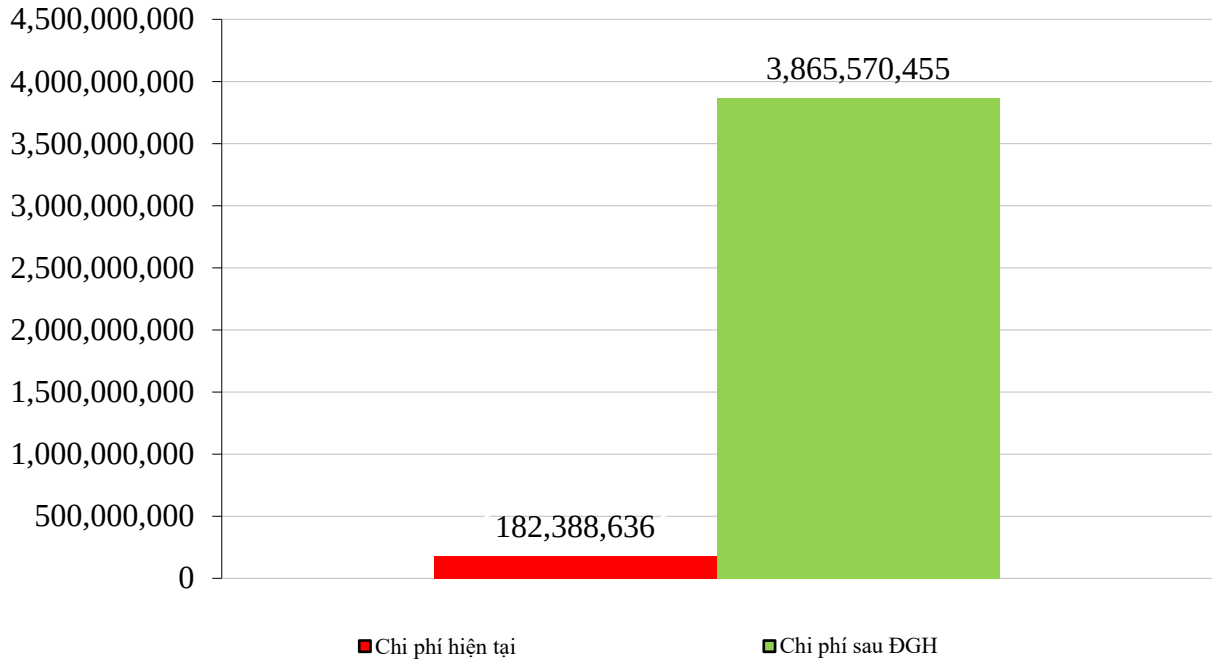

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
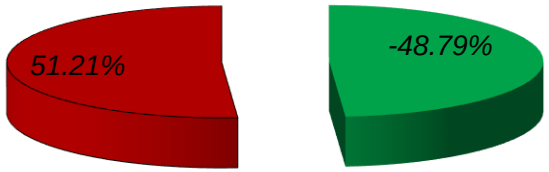
Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung